



**Trung tâm Tin học và
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông thôn**

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 1/2021

1 Tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam năm 2020 đạt 41,36 tỷ USD, tăng 2,9% so với năm 2019. Ước giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 1/2021 đạt 3,49 tỷ USD, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 1,6 tỷ USD, tăng 28,9%; giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 26 triệu USD, tăng 3%; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 600 triệu USD, tăng 19,6%; và giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 1,33 tỷ USD, tăng 47,8%.

Giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam năm 2020 đạt 31,2 tỷ USD, tăng 1,1% so với năm 2019. Ước nhập khẩu ngành nông nghiệp tháng 1/2021 đạt gần 2,97 tỷ USD, tăng 47,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 2,63 tỷ USD, tăng 62,9%.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo:

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 1 năm 2021 ước đạt 280 nghìn tấn với giá trị đạt 154 triệu USD, giảm 29,5% về khối lượng và giảm 20,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2020 với 33,9% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong năm 2020 đạt 2.22 triệu tấn và 1,06 tỷ USD, tăng 4% về khối lượng và tăng 19,3% về giá trị so với năm 2019. Năm 2020, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là: Indonesia (gấp 2,7 lần) và Trung Quốc (tăng 92,6%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất trong năm 2020 là Iraq (giảm 70%). Giá gạo xuất khẩu bình quân năm 2020 đạt 499 USD/tấn, tăng 13,3% so với năm 2019.

Về chủng loại xuất khẩu, trong năm 2020, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 41,5% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 36,0%; gạo nếp chiếm 18,1%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 4,2%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Philippin (chiếm 55,3%), Cuba (chiếm 11,8%) và Malaysia (chiếm 11,3%). Với gạo jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Philippin (chiếm 26,8%), Ghana (20,2%) và Bờ Biển Ngà (chiếm 15,1%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (chiếm 73,4%), Philippin (chiếm 7,6%) và Indonesia (chiếm 7,1%). Với gạo japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Kiribati (chiếm 14,1%), Đảo quốc Solomon (chiếm 14,4%) và Papua New Guinea (chiếm 8,3%).

Trong tháng 01/2021, giá gạo Việt Nam tăng nhẹ 3 USD/tấn so với cuối tháng 12/2020, lên 503 USD/tấn và duy trì mức này đến hết tháng. Giá gạo 5% của Ấn Độ có xu hướng tăng nhẹ dần đều trong tháng từ mức 384 USD/tấn lên 388 USD/tấn vào cuối tháng. Giá gạo Thái Lan cũng tăng lên nhưng với biên động cao hơn từ mức 513 USD/tấn vào đầu tháng lên 523 USD/tấn vào cuối tháng.

2 Tại thị trường trong nước, giá lúa, gạo tại các tỉnh ĐBSCL diễn biến tăng trong tháng 1 nhu cầu tiêu thụ tăng. Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 tăng 300 đồng/kg lên 6.800 đồng/kg; lúa OM 2514 tăng 100 đồng/kg lên 6.700 đồng/kg; lúa gạo thường ở mức 10.500 đồng/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.500 đồng/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 100 đồng/kg lên mức 7.300 – 7.400 đồng/kg; lúa OM 6976 tăng 200 đồng/kg lên mức 7.500 – 7.800 đồng/kg; lúa OM 5451 tăng 100 đồng/kg lên 7.500 – 7.700 đồng/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 tươi biến động có lúc giảm xuống 6.700 đồng/kg, sau tăng lên 6.900 đồng/kg; lúa khô tăng 100 đồng/kg lên 7.400 đồng/kg; lúa hạt dài tươi giữ ở mức 7.000 đồng/kg, lúa khô tăng 100 đồng/kg lên 7.700 đồng/kg. Nông dân Bạc Liêu bắt đầu thu hoạch lúa Đông Xuân, với lúa OM 5451 có giá 6.800 – 7.000 đồng/kg, Đài Thơm 8 ở mức 6.700 – 6.900 đồng/kg, lúa ST24 có giá 7.000 – 7.500 đồng/kg.

Một số nhận định và dự báo: (1) Nguồn tin Reuters cho biết nhập khẩu gạo từ Bangladesh có thể tăng vọt trong niên vụ 2020/21 so với mức 100 nghìn tấn của niên vụ trước do nguồn cung hạn chế làm giá nội địa tăng cao. (2) Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) dự báo, xuất khẩu gạo năm 2021 vẫn duy trì tín hiệu lạc quan cả về sản lượng và giá bán. Hiện nay, các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Philippin, Châu Phi... tiếp tục ký hợp đồng mua gạo của Việt Nam và giá gạo đang ở mức rất khả quan.

2. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 1/2021 ước đạt 260 triệu USD, giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau

quả của Việt Nam trong năm 2020 với 56,3% thị phần. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong năm 2020 đạt 1,84 tỷ USD, giảm 25,7% so với năm 2019. Tiếp đến là thị trường Hoa Kỳ đạt 168,8 triệu USD (chiếm 5,2%, tăng 12,5%); Thái Lan đạt 157,2 triệu USD (chiếm 4,8%, tăng 109,7%); Hàn Quốc đạt 143 triệu USD (chiếm 4,4%, tăng 8,5%); Nhật Bản đạt 127,7 triệu USD (chiếm 3,9%, tăng 4,3%). Năm 2020, thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh nhất là thị trường Campuchia (tăng 142%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu giảm mạnh nhất là Lào (giảm 45,5%). Giá trị xuất khẩu trong năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm 2019 do giá trị xuất khẩu của một số mặt hàng giảm, trong đó có thanh long - mặt hàng chiếm thị phần cao nhất (với 34,9% tổng giá trị xuất khẩu), đạt 1,14 tỷ USD, giảm 9,9%; chuối đạt 169,8 triệu USD (chiếm 5,2%, giảm 13,9%); sầu riêng đạt 116,7 triệu USD (chiếm 3,6%, giảm 58,5%); dưa hấu đạt 40 triệu USD (chiếm 1,2%, giảm 35,3%); nhãn đạt 31,9 triệu USD (chiếm 1%, giảm 78,3%).

Giá trị nhập khẩu rau quả năm 2020 đạt 1,31 tỷ USD, giảm 26,3% so với năm 2019. Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng này tháng 1/2021 đạt 140 triệu USD, tăng 22,3% so với tháng 1/2020. Trung Quốc, Hoa Kỳ và Ôxtrâyli là ba thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam. So với năm 2019, giá trị nhập khẩu rau quả năm 2020 từ Trung Quốc giảm 21% trong khi nhập khẩu từ thị trường Hoa Kỳ tăng 2,3%, Ôxtrâyli tăng 1%.

Tại thị trường trong nước trong tháng 01/2021: (i) Thanh long tỉnh Bình Thuận trong thời kỳ tạo và dưỡng trái để kịp phục vụ thị trường Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, từ nhiều tháng nay tình hình tiêu thụ thanh long Bình Thuận gặp khó khăn, mức giá bán ra từ 5.000-8.000 đồng/kg. Do sản xuất thanh long trái vụ, chi phí chong đèn và phân bón lớn, khiến người nông dân đang gặp khó khăn với mức giá này; (ii) Giá dưa tại tỉnh Long An tăng cao do nguồn cung giảm trong khi nhu cầu thị trường còn lớn. Hiện tại, dưa loại 1 có giá khoảng 10.000 đồng/kg, tăng gần gấp đôi so cùng kỳ năm 2020; (iii) Về giá rau củ quả cho thị trường Tết Tân Sửu 2021, về tổng thể nguồn cung sẽ không thiếu nhưng giá bán một số mặt hàng có thể tăng so với cùng kỳ năm 2020 do nhiều nguyên nhân. Điển hình là tại Đà Lạt, giá cà chua có thể biến động theo chiều tăng vì do thời tiết không ổn định đã làm chệch thời điểm chín của cà chua. Một số mặt hàng khác có thể tăng nhẹ hoặc giảm tùy thuộc vào nhu cầu thị trường nhưng mức tăng có thể chấp nhận được.

Một số nhận định và dự báo: Diễn biến dịch Covid-19 khó lường đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam, đặc biệt là khó khăn về việc thay đổi thị hiếu do thay đổi thói quen và thủ tục nhập khẩu siết chặt do dịch bệnh. Doanh nghiệp cần tăng cường giám sát chất lượng hàng hoá, tránh vi

phạm quy định của các nước về tiêu chuẩn, kiểm nghiệm kiểm dịch, an toàn thực phẩm để quá trình thông quan không bị ảnh hưởng.

3. Sắn

Khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn trong tháng 1 năm 2021 ước đạt 400 nghìn tấn với giá trị đạt 144 triệu USD, tăng 88,1% về khối lượng và tăng 97,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Năm 2020, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu chính, chiếm 91,8% thị phần, tăng 12,9% về khối lượng và tăng 6,2% về giá trị so với năm 2019.

Tại thị trường trong nước, các nhà máy tại Tây Ninh giảm giá thu mua sắn, giá sắn nguyên liệu phổ biến quanh mức 2.900-3.100 đồng/kg, giảm nhẹ so với tháng trước. Giá sắn lát điều chỉnh giảm về mức 5.100 - 5.400 đồng/kg so với mức 5.300 - 5.600 đồng/kg của tháng trước. Giá tinh bột sắn thành phẩm tại Tây Ninh cũng giảm nhẹ, cao nhất 10.600 đồng/kg đối với hàng nội địa do giá xuất khẩu biên mậu/chính ngạch được điều chỉnh giảm.

Một số nhận định và dự báo: Tiêu thụ còn tại Trung Quốc trong dịp Lễ Tết tăng cao sẽ thúc đẩy xuất khẩu sắn lát tiếp tục tăng trong thời gian tới. Dự báo tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn sang Trung Quốc vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt do được hậu thuẫn bởi yếu tố cầu tăng cao và nguồn cung hạn hẹp.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 12 năm 2020 đạt 139 nghìn tấn với giá trị đạt 253,23 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê cả năm 2020 đạt 1,56 triệu tấn và 2,74 tỷ USD, giảm 5,6% về khối lượng và giảm 4,2% về giá trị so với năm 2019. Đức, Hoa Kỳ và Italy tiếp tục là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong năm 2020 với thị phần lần lượt là 15% (đạt 350 triệu USD), 10,9% (đạt 255 triệu USD) và 9,58% (đạt 224 triệu USD). Trong năm 2020, giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh tại các thị trường: Đan Mạch (tăng 42,67%, đạt 2,42 triệu USD), Ba Lan (tăng 29,1%, đạt 38 triệu USD) và Campuchia (tăng 28,7%, đạt 2,81 triệu USD). Ngược lại, giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh nhất tại thị trường Hungary (giảm 73,3%, đạt 1,84 triệu USD). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 12 tháng đầu năm 2020 đạt 1.744,3 USD/tấn, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2019. Tháng 12/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân đạt 1.416 USD/tấn, giảm 4,6% so với tháng 12/2020 và giảm 4,93% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cà phê xuất khẩu bình quân cả năm 2020 ước đạt 1.394 USD/tấn, giảm 1,64% so với năm 2019.

Kim ngạch xuất khẩu cà phê Việt Nam có xu hướng giảm, khó đạt mức 3 tỷ USD như một vài năm trước. Một trong những nguyên nhân khiến xuất khẩu giảm là do các thị trường nhập khẩu cà phê lớn của Việt Nam đều gặp thiệt hại lớn vì

dịch COVID-19 và tiếp tục thực hiện giãn cách xã hội ở mức cao, tăng cường nhu cầu tiêu thụ cà phê tại nhà, sản phẩm cà phê Việt Nam chủ yếu xuất khẩu thô nên bị tác động mạnh từ giá cả thị trường thế giới. Bên cạnh đó, thời điểm cuối năm 2020, cà phê vệt mới được vận chuyển từ nội địa ra cảng. Chi phí vận tải biển đến các thị trường khác trên thế giới gia tăng đáng kể chủ yếu là do nhu cầu hàng hóa thành phẩm tăng lên các thị trường tiêu dùng lớn trong tháng 12.

So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 1/2021 thị trường London giảm 27 USD/tấn xuống còn 1.374 USD/tấn. Giá cà phê giảm khi phần lớn giới đầu cơ tiếp tục thể hiện sự thận trọng trước tin tức chưa mấy khả quan của kinh tế thế giới do đại dịch Covid-19 gây ra và trong bối cảnh chờ đợi được cung cấp vắc xin. Trong khi đó, tại New York, giá cà phê Arabica giao tháng 12/2020 tiếp tục tăng trưởng và tăng 6,26% so với tháng trước, duy trì tại mức 2.827 USD/tấn.

Nhìn lại cả năm 2020, giá cà phê trong nước biến động giảm trong 6 tháng đầu năm và có xu hướng tăng nhẹ trong 6 tháng cuối năm. So với thời điểm cuối năm 2019, giá cà phê vệt nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên tăng nhẹ. Tuy nhiên, giá lại giảm 400-500 đồng/kg so với tháng 11/2020, hiện giá thu mua đang ở mức 32.200 – 32.700 đồng/kg. Giá cà phê cao nhất ở khu vực tỉnh Đắk Lắk và thấp nhất tại khu vực tỉnh Lâm Đồng. Giá cà phê Robusta giá FOB giao tại cảng thành phố Hồ Chí Minh ổn định tại ngưỡng 33.400 đồng/kg. Vệt cà phê năm nay của Việt Nam bị mất mùa và thu hoạch trễ hơn so với các năm trước nên chưa tạo áp lực lên thị trường. Theo đó, vệt mùa năm nay, kỹ thuật thu hái và phơi sấy sau thu hoạch đã được quan tâm nhiều hơn, tạo động lực đẩy giá cà phê đi lên.

Một số nhận định và dự báo: (1) Theo dự báo tháng 12/2020 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), thu hoạch Arabica và Robusta của Brazil niên vụ 2020/2021 tăng 7,4 triệu bao lên mức kỷ lục 67,9 triệu bao, trong đó sản lượng cà phê Arabica của Brazil dự báo tăng 5,8 triệu bao so với vệt trước lên 47,8 triệu bao. Điều kiện thời tiết tốt phổ biến ở hầu hết các vùng cà phê, hỗ trợ quá trình đậu trái và phát triển, do đó năng suất cao hơn. Ngoài ra, phần lớn các khu vực sản xuất đang trong năm thứ hai của chu kỳ sản xuất hai năm một lần. Sản lượng Robusta được dự báo sẽ tăng 1,6 triệu bao lên mức kỷ lục 20,1 triệu. Xuất khẩu cà phê dự kiến sẽ tăng 825.000 bao lên 37,0 triệu bao, trong khi tồn kho cuối kỳ được dự báo tăng gần gấp ba lên 5,3 triệu bao. (2) Niên vụ 2020/2021, sản lượng của Việt Nam ước đạt 29 triệu bao, giảm 7% so với năm trước, trong đó 28 triệu bao Robusta và một triệu bao Arabica do ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt diễn ra trong suốt năm. Xuất khẩu cà phê niên vụ 20/21 của Việt Nam giảm nhẹ xuống 26,65 triệu bao. (3) Tồn kho cà phê khả dụng tại các kho cảng trên thế giới đã giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua là tín hiệu lạc quan cho thấy thị trường xuất khẩu cà phê sẽ cải thiện trong năm 2021.

Các thị trường nhập khẩu cà phê lớn của Việt Nam đều gặp thiệt hại lớn vì dịch Covid-19, tiếp tục thực hiện giãn cách xã hội ở mức cao và tăng cường nhu cầu tiêu thụ cà phê tại nhà. Cùng với thông tin thử nghiệm vaccine, sẽ thúc đẩy lượng xuất khẩu tăng lên, dự báo xuất khẩu cà phê sẽ có nhiều tín hiệu lạc quan trong những tháng đầu năm 2021.

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 1/2021 ước đạt 10 nghìn tấn với giá trị đạt 16 triệu USD, tăng 25,8% về khối lượng và tăng 30,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Năm 2020, Pakistan đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu chè của Việt Nam với 37,9% thị phần – giảm 11,2% về khối lượng và giảm 14,4% về giá trị so với năm 2019. Thị trường có giá trị xuất khẩu chè tăng mạnh nhất trong năm 2020 là Ấn Độ với mức tăng gấp 3,7 lần. Giá chè xuất khẩu bình quân năm 2020 đạt 1.613 USD/tấn, giảm 6,2% so với năm 2019.

Tại thị trường thế giới, các cuộc đấu giá của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor Ấn Độ (CTTA) khởi đầu năm 2021 với mức giá trung bình đạt 134,73 Rs/kg, tăng 20,36 Rs/kg so với phiên cuối năm 2020 trước khi đóng cửa cho Giáng sinh và Tết dương lịch. Giá chè tăng do nhu cầu tăng từ những người mua nước ngoài khi các loại chè Bắc Ấn không có mặt trên thị trường vì ngưng thu hoạch vào mùa đông.

Mặt hàng chè xuất khẩu cũng khởi đầu một năm với mức giá trung bình tốt tại phiên đấu giá Mombasa, Kenya hàng tuần sau khi liên tục sụt giảm vào năm ngoái, mặc dù vẫn thấp hơn mức 2 USD/kg, đạt trung bình 1,94 đô la (23,40 Sh) nhưng vẫn cao hơn mức đóng cửa vào năm ngoái ở mức trung bình là 1,87 USD (205,70 Sh)/kg, báo hiệu lợi nhuận tốt cho nông dân trong năm nay.

Tại thị trường trong nước, chè nguyên liệu trong nước trong tháng đầu năm mới không có nhiều biến động dù đang là thời điểm sát Tết Nguyên đán. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng giữ giá ở mức 190.000 đồng/kg, chè xanh búp khô 90.000 đồng/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 120.000 đồng/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành ổn định 9.800 đồng/kg, chè hạt 7.600 đồng/kg. Thời điểm này, các hộ trồng chè cũng như cơ sở kinh doanh đang đẩy mạnh sản xuất phục vụ thị trường dịp Tết. Thị trường chè từ nay đến sát Tết nguyên đán được cho là sẽ không có biến động quá mạnh với nguồn cung đủ đáp ứng nhu cầu gia tăng trong thời gian tới.

Một số nhận định và dự báo: Xu hướng tiêu dùng đồ uống trong năm 2021 được dự báo có những chuyển đổi rõ rệt do ảnh hưởng của đại dịch đến thói quen tiêu dùng và thị hiếu: (i) Theo báo cáo của USDA, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng

đền xu hướng tiêu dùng thực phẩm, theo đó quan tâm nhiều đến sức khỏe, sự bền vững và các sản phẩm nuôi dưỡng thể chất và tinh thần. Người tiêu dùng sẵn sàng chi trả cho các sản phẩm có xu hướng tích cực hoặc ít ảnh hưởng đến môi trường. Các doanh nghiệp đồ uống có thể tập trung khai thác các sản phẩm tốt cho sức khỏe, đặc biệt là các loại trái cây, sản phẩm không có gluten, sản phẩm hữu cơ; (ii) Theo Flavourchem, xu thế cho các sản phẩm đồ uống, trà, cà phê sẽ theo hướng trải nghiệm sáng tạo, khám phá cảm giác, vị giác với các thành phần hàm chứa các yếu tố giảm thiểu sử dụng sản phẩm không thân thiện với môi trường, có thể tái sử dụng và tái chế (Reduce – Reuse – Upcycle).

6. Tiêu

Theo báo cáo của Tổng Cục Hải Quan, xuất khẩu trong nửa đầu tháng 1/2021 đạt 7.241 tấn tiêu các loại, với giá trị kim ngạch 20,62 triệu USD, giảm 23,75% về lượng và giảm 10,03% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Giá tiêu xuất khẩu bình quân trong kỳ đạt 2.847 USD/tấn, tăng 2,89% so với giá xuất khẩu bình quân tháng cuối năm 2020.

Ba thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong năm 2020 là Hoa Kỳ, Đức và TVQ Arập Thống Nhất chiếm 30,8% thị phần tổng giá trị xuất khẩu tiêu. Thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu tăng mạnh nhất trong năm 2020 là Philippines (+25,9%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu giảm mạnh nhất là Ấn Độ (giảm 42,1%). Giá tiêu xuất khẩu bình quân năm 2020 đạt 2.315,4 USD/tấn, giảm 7,8% so với năm 2019.

Trong tháng 1/2021, giá tiêu trong nước biến động giảm so với giai đoạn trước đó, song nhìn chung, tại thời điểm cuối tháng 1/2021 giá tiêu tại các vùng trồng trọng điểm đang ở mức tương đối ổn định. Tại tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông giá tiêu trong ngày 28/1/2021 được thu mua với mức 51.500 đồng/kg. Tại tỉnh Gia Lai, giá tiêu ở mức 51.000 đồng/kg. Trong khi đó tại Đồng Nai, giá tiêu ở mức 51.000 đồng/kg. Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giá tiêu ở mức 53.000 đồng/kg. Còn tại tỉnh Bình Phước giá tiêu được thu mua với mức 52.000 đồng/kg.

Giá tiêu thế giới đã giảm sau nhiều phiên tăng. Ghi nhận lúc 0h15 ngày 29/1 (giờ Việt Nam), giá tiêu giao ngay trên sàn trực tuyến NCDEX Kochi (Ấn Độ) giảm nhẹ 59,5 Rupee/tạ (0,08%), giao dịch ở 3.4583.35 Rupee/tạ. Thị trường tiêu đen toàn cầu được dự đoán sẽ tăng trưởng nhanh chóng trong giai đoạn 2020–2026.

Một số nhận định và dự báo: (1) Theo Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam (VPA), sản lượng hồ tiêu năm 2021 có thể giảm từ 25 – 30% so với năm 2020 xuống khoảng 168 – 180 nghìn tấn¹, do ở một số địa phương vườn tiêu già chiếm phần lớn diện tích

¹ <https://vietnambiz.vn/san-luong-ho-tieu-nam-2021-du-kien-giam-30-20210111181357532.htm>

và không ghi nhận diện tích trồng mới; (2) Vẫn còn tình trạng thiếu container rỗng khiến giá cước tàu biển tăng, dẫn đến khó khăn phần nào trong xuất khẩu tiêu.

7. Điều

Khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 1/2021 ước đạt 45 nghìn tấn với giá trị đạt 268 triệu USD, tăng 78,2% về khối lượng và tăng 51,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân năm 2020 đạt 6.238,5 USD/tấn, giảm 13,6% so với năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam trong năm 2020 chiếm thị phần lần lượt là 30,9%, 15,9% và 12,1% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Năm 2020, giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường Nhật Bản tăng 64,6%. Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là Tây Ban Nha giảm 27,6%.

Theo ước tính của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) xuất khẩu hạt điều tháng 12/2020 đạt 47 nghìn tấn, trị giá 280 triệu USD, tăng 2,3% về lượng, nhưng giảm 0,6% về trị giá so với tháng 11/2020, so với tháng 12/2019 tăng 10,8% về lượng, nhưng giảm 6,0% về trị giá. Tính chung cả năm 2020, xuất khẩu hạt điều ước đạt 511 nghìn tấn, trị giá 3,19 tỷ USD, tăng 12,1% về lượng, nhưng giảm 3,0% về trị giá so với năm 2019. Giá xuất khẩu bình quân hạt điều tháng 12/2020 ước đạt mức 5.957 USD/tấn, giảm 2,9% so với tháng 11/2020 và giảm 15,2% so với tháng 12/2019. Tính cả năm 2020, giá xuất khẩu bình quân hạt điều ước đạt mức 6.245 USD/tấn, giảm 13,5% so với mức giá xuất khẩu hạt điều bình quân năm 2019.

Trong khi đó, ước khối lượng nhập khẩu hạt điều trong tháng 1/2021 đạt 130 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 186 triệu USD, tăng 2,5 lần về khối lượng và tăng 2,2 lần về giá trị so với tháng 1/2020. Khối lượng hạt điều nhập khẩu năm 2020 đạt 1,46 triệu tấn với giá trị nhập khẩu đạt 1,81 tỷ USD, giảm 10,7% về khối lượng và giảm 17,1% về giá trị so với năm 2019. Bờ Biển Ngà, Campuchia và Gana là ba thị trường cung cấp hạt điều chính cho Việt Nam. Giá trị hạt điều nhập khẩu từ 3 thị trường này trong năm 2020 đều giảm so với năm 2019, với mức giảm lần lượt là 9,6%, 6,5%, và 20,9%.

Sau tuần đầu tiên của năm mới, thị trường bán buôn hạt điều Ấn Độ vẫn đang chờ đợi kỳ nghỉ dài của thế giới kết thúc. Tuy nhiên, nhờ nhu cầu tiêu thụ mạnh mẽ đối với các loại điều vỡ, người mua Bắc Ấn đã trở lại tìm mua phần lớn các loại khác. Tại bang Tamil Nadu, Ấn Độ, giá hạt điều tăng nhẹ trong tháng 1/2021. Trong đó, W450 ở mức 3,18 USD/lb, tăng 0,005 USD/lb; SW320 ở mức 2,88 USD/lb, tăng 0,005 USD/lb; hạt điều W204 ở mức 3,95 USD/lb; W320 ở mức 3,5 USD/lb.

Tại thị trường trong nước, giá điều nguyên liệu biến động tăng nhẹ trong tháng qua. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước tăng từ 31.000 đồng/kg lên 33.000

đồng/kg; tại Đồng Nai, điều thô mua xô giữ ở mức 29.000 đồng/kg. Theo kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng diện tích cây điều của cả nước năm 2021 còn 297 ngàn ha (bằng 99,7% so với năm 2020), sản lượng điều thô đạt 360 ngàn tấn (bằng 107,8%), năng suất bình quân đạt 1,29 tấn/ ha (bằng 107,5%).

Một số nhận định và dự báo: (1) Giá điều nhân dự kiến có xu hướng tăng trong thời gian tới vì lượng cung điều nhân trong nước không nhiều trong khi giá mua điều thô vẫn đang cao không cân đối được với giá điều nhân, nên các nhà chế biến rất thận trọng trong việc nhập điều thô. Bên cạnh các hiệp định thương mại, dự báo giá hạt điều năm 2021 nhiều khả năng sẽ phục hồi do giá năm 2020 đã giảm xuống mức thấp. (2) Dự báo xuất khẩu hạt điều sẽ chậm lại trong quý I/2021 theo yếu tố chu kỳ. Các nước Hoa Kỳ và châu Âu giảm nhập khẩu do đã đẩy mạnh nhập khẩu thời điểm cuối năm 2020. Tuy nhiên, triển vọng xuất khẩu hạt điều cả năm 2021 nhìn chung sẽ khả quan nhờ các Hiệp định Thương mại tự do. Giá xuất khẩu hạt điều nhiều khả năng sẽ phục hồi do giá năm 2020 đã giảm xuống mức thấp.

8. Cao su

9

Giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Osaka (OSE) diễn biến tăng, giảm đan xen nhau trong tháng đầu năm mới 2021. Kết thúc phiên giao dịch 8/1/2021, hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 5/2021 đạt mức cao 245,9 yên/kg, sau đó giảm trở lại do lo ngại số ca nhiễm Covid-19 tăng cao tại nước mua hàng đầu Trung Quốc làm ảnh hưởng đến nhu cầu. Tuy nhiên, thị trường cao su lại tăng trở lại trong ngày 20-21/1/2021 do thị trường kỳ vọng Tổng thống Mỹ mới nhậm chức Joe Biden sẽ đưa ra các biện pháp kích thích nền kinh tế hơn nữa để bù đắp thiệt hại do đại dịch Covid-19 gây ra.

Giá cao su physical trên thị trường châu Á diễn biến tăng trái chiều với thị trường kỳ hạn. Cụ thể, RSS3 Thái Lan ngày 21/1/2021 ở mức 2,19 USD/kg, giảm 0,02 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,61 USD/kg, tăng 0,04 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,61 USD/kg, tăng 0,04 USD/kg; SIR20 Indonesia ở mức 1,63 USD/kg, tăng 0,03 USD/kg so với ngày 6/1/2021.

Thị trường mủ cao su nguyên liệu trong nước biến động giảm nhẹ cùng với xu thế trên thị trường thế giới. Tại Bình Phước, giá thu mua mủ nước giảm 10 đồng/kg xuống 310 đồng/độ và về cuối tháng tăng trở lại mức 320 đồng/kg, mủ cao su giữ ở mức 12.000 đồng/kg. Giá mủ tại Đồng Nai giảm từ 12.000 đồng/kg xuống 10.800 đồng/kg.

Ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 1/2021 đạt 200 nghìn tấn với giá trị đạt 321 triệu USD, gấp 2,2 lần về khối lượng và gấp 2,4 lần về giá trị so với cùng

kỳ năm 2020. Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong năm 2020, chiếm thị phần lần lượt là 76,8%, 3,7% và 2,1%. Năm 2020, giá trị xuất khẩu cao su giảm ở hầu hết các thị trường, ngoại trừ Pakistan (tăng 48,1%), Trung Quốc (tăng 18,1%), Đài Loan (tăng 6,3%) và Tây Ban Nha (tăng 0,5%). Giá cao su xuất khẩu bình quân năm 2020 đạt 1.362,6 USD/tấn, tăng 0,7% so với năm 2019.

Trong khi đó, ước khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 1/2021 đạt 190 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 248 triệu USD, tăng 3,5 lần về lượng và tăng 3 lần về giá trị so với tháng 1/2020. Tổng khối lượng cao su nhập khẩu năm 2020 đạt 1,12 triệu tấn với giá trị nhập khẩu đạt 1,47 tỷ USD, tăng 49,4% về lượng và tăng 20,6% về giá trị so với năm 2019. Campuchia (chiếm thị phần 29,1%), Hàn Quốc (14,1%), Nhật Bản (9,9%) là ba thị trường cung cấp cao su chính cho Việt Nam.

Một số nhận định và dự báo: (1) Năm 2020, Trung Quốc đã nhập khẩu 4,34 tỷ USD cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (mã HS: 400280), tăng 35,2% so với cùng kỳ năm 2019. Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với 1,3 tỷ USD, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc cũng là nhà nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam trong năm 2020. Tuy nhiên trong 2 tháng cuối năm 2020, quốc gia này đã giảm mạnh lượng nhập khẩu cao su so với những tháng trước đó, cho thấy một lượng lớn cao su nguyên liệu đã được tích lũy. Do đó, dự báo trong năm 2021 nhiều khả năng Trung Quốc sẽ có xu hướng giảm nhập khẩu cao su do đã dự trữ lượng hàng nội địa khổng lồ; (2) Theo báo cáo mới nhất của Hiệp hội Các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC) tháng 12/2020, sản lượng cao su tự nhiên thế giới trong 11 tháng đầu năm 2020 đã giảm 8,3% so với cùng kỳ năm trước, đạt 11,38 triệu tấn. Sản lượng cao su thế giới được dự đoán sẽ phục hồi vào tháng 1/2021 với 1,19 triệu tấn so với mức 1,06 triệu tấn cùng kỳ năm 2020. Trong khi đó, lũy kế 11 tháng năm 2020, tiêu thụ cao su trên thế giới đã giảm 7,9% so với cùng kỳ năm trước, xuống 11,66 triệu tấn. Triển vọng tiêu thụ cao su thế giới được dự đoán sẽ tăng 15,5% vào tháng 1/2021 lên 1,17 triệu tấn so với 1,02 triệu tấn cùng kỳ năm 2020; (3) Xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ được kỳ vọng sẽ có sự tăng trưởng tích cực hơn trong năm 2021. Theo Viện nghiên cứu Nomura, ngành công nghiệp ô tô Ấn Độ dự kiến sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm tài khoản 2021/22 sau tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19.

9. Sản phẩm chăn nuôi

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 1/2021 ước đạt 26 triệu USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2020. Năm 2020, giá trị xuất khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa đạt 101,8 triệu USD, tăng 15% so với năm 2019; Thịt và phụ phẩm dạng thịt động vật đạt 96 triệu USD, giảm 43,6% so với năm 2019; Mật ong đạt 70,7 triệu

USD, tăng 33,5% so với năm 2019. Trong khi đó, giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 1/2021 ước đạt 320 triệu USD, tăng 27,9% so với tháng 1/2020. Tổng giá trị nhập khẩu chăn nuôi năm 2020 đạt 3,25 tỷ USD, tăng 24,4% so với năm 2019, trong đó giá trị nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa đạt 1,05 tỷ USD (tăng 0,1% so với 2019), nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi khác đạt 2,2 tỷ USD (tăng 40,7% so với 2019). Trong đó nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa đạt 85 triệu USD (tăng 2,6% so với 2019), còn lại giá trị nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi khác đạt 235 triệu USD.

Tại thị trường thế giới, nguồn cung thị lợn gia tăng dồi dào đã khiến giá thịt lợn hơi giảm so với tháng trước. Giá thịt lợn nạc giao tháng 2/2021 tại thị trường Chicago, Mỹ giảm 1,85 UScent/lb (~939,9 đồng/kg) trong tháng qua xuống còn 68,425 UScent/lb (~ 34.765,2 đồng/kg).

Tại thị trường trong nước, trong tháng 1/2021, giá lợn hơi tại các khu vực có mức tăng nhẹ so với tháng trước. Tại miền Bắc, giá lợn hơi dao động trong khoảng 84.000 - 87.000 đồng/kg. Giá lợn hơi tại miền Trung, Tây Nguyên tăng nhẹ 2.000 – 3.000 đồng/kg so với tháng trước, dao động trong khoảng từ 76.000 - 80.000 đồng/kg. Cụ thể, mức giá cao nhất là tại Thanh Hóa và Nghệ An, đều ở mức 80.000 đồng/kg, giá thấp nhất là tại Đắk Lắk với 76.000 đồng/kg. Còn lại giá lợn hơi tại các địa phương khác trong vùng đều ở mức 75.000 - 78.000 đồng/kg.

Giá các sản phẩm gia cầm bán tại trại biến động tăng tại các vùng miền trong tháng qua. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Bắc tăng 10.000 – 17.000 đồng/kg lên mức 55.000 – 60.000 đồng/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Trung tăng 10.000 - 12.000 đồng/kg lên mức 47.000 – 55.000 đồng/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ tăng 10.000 đồng/kg lên mức 41.000 – 42.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Trung tăng 3.000 đồng/kg lên 29.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Đông và miền Tây Nam Bộ tăng 2.000 – 3.000 đồng/kg lên 28.000 đồng/kg.

Giá trứng gà miền Bắc ổn định ở mức 1.400 – 1.700 đồng/quả. Giá trứng gà miền Trung giữ giá 1.500 – 1.800 đồng/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ giảm 100 - 350 đồng/quả, hiện ở mức 1.300 – 1.450 đồng/quả.

Một số nhận định và dự báo: Giá lợn hơi trong nước thời gian tới tăng nhẹ theo chu kỳ do nhu cầu tăng trong dịp Lễ, Tết cuối năm và những tháng đầu năm. Ngoài ra giá thịt lợn hơi còn giữ giá do chi phí thức ăn tăng trong thời gian qua. Tuy nhiên, dự báo giá lợn hơi khó tăng thêm nữa do dịch tả lợn châu Phi đang được khống chế tốt, đàn lợn ở các trang trại lớn tăng nhanh, nguồn cung các loại thịt gà, thịt bò, cá, tôm và nguồn cung thịt nhập khẩu về nhiều.

10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 1/2021 ước đạt 600 triệu USD, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2020. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong năm 2020, chiếm 59,5% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Năm 2020, thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh nhất là Nga tăng 31,9%. Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản giảm mạnh nhất là Thái Lan giảm 15,6%.

Tháng 12/2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ước đạt 180 nghìn tấn, trị giá 700 triệu USD, giảm 6,22% về lượng và giảm 3,43% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Năm 2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ước đạt 2,02 triệu tấn, trị giá 8,38 tỷ USD, giảm 4,04% về lượng và giảm 1,8% về trị giá so với năm 2019. Trong đó xuất khẩu sang 4 thị trường chính là Hoa Kỳ đạt 1,6 tỷ USD, tăng 10,4%; Nhật Bản đạt 1,4 tỷ USD, giảm 1,8%; EU đạt 1,3 tỷ USD, giảm nhẹ 0,8% và Trung Quốc đạt 1,2 tỷ USD, giảm 4,8%.

Trong khi đó, tổng giá trị nhập khẩu thủy sản năm 2020 đạt 1,77 tỷ USD, giảm 1,1% so với năm 2019. Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng này tháng 1/2021 đạt 190 triệu USD, tăng 58,6% so với tháng 1/2020. Nguồn nhập khẩu thủy sản năm 2020 chủ yếu là từ các thị trường: Ấn Độ chiếm tỷ trọng 13%, Na uy chiếm 11%, Nhật Bản chiếm 9,3%. So với năm 2019, giá trị nhập khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2020 từ Ấn Độ tăng 14%, Nhật Bản tăng 18,2%, trong khi nhập khẩu từ Na uy giảm 9,9%.

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), giá trung bình cá tra phile đông lạnh nhập khẩu trong tháng 11/2020 tại Mỹ là 2,58 USD/kg, giảm 2,6% so với tháng trước. Giá bình quân nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 11/2020 đạt 9,09 USD/kg, tăng 3,2% so với tháng trước đó.

Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL những ngày đầu năm chững giá quanh mức 19.000 – 20.000 đồng/kg đối với cá tra loại I (700-900g/con). Các doanh nghiệp lớn tại Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ có xu hướng làm hàng cầm chừng, giao dịch đi thị trường Trung Quốc đến nay vẫn gặp khó do khâu kiểm dịch COVID-19. Thời điểm này, thị trường khá trầm lắng do nhu cầu thu mua nguyên liệu đang khá thấp, các công ty bắt đầu giảm và ngưng bắt cá nguyên liệu để tập trung giao nốt các đơn hàng trước khi nghỉ Tết Nguyên đán.

Thị trường tôm trong tháng đầu năm tiếp tục xu hướng tăng giá từ cuối năm ngoái do nhu cầu của người dân trong nước tăng mạnh vào dịp Tết, trong khi nguồn cung hạn chế. Tại Bạc Liêu, tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg tăng 20.000 đồng/kg so với thời điểm cuối tháng 12/2020 lên 320.000 đồng/kg, cỡ 30 con/kg tăng 20.000 đồng/kg lên 270.000 đồng/kg, cỡ 40 con/kg giữ mức 180.000 đồng/kg. Giá tôm thẻ

urop đá cỡ 60 con/kg tăng 20.000 đồng/kg lên 130.000 đồng/kg, cỡ 70 con/kg tăng 15.000 đồng/kg lên 120.000 đồng/kg, cỡ 100 con/kg tăng 5.000 đồng/kg lên 104.000 đồng/kg.

Tôm là mặt hàng thủy sản xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất trong năm 2020 đạt 3,7 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2019. Năm 2020, nhờ thành công trong việc kiểm soát Covid-19 mà hoạt động sản xuất, xuất khẩu tôm của Việt Nam có lợi thế hơn so với các thị trường nguồn cung đối thủ. Các doanh nghiệp tôm cố gắng vừa duy trì sản xuất, linh hoạt chuyển hướng thị trường, tận dụng thời cơ, nhờ đó, giá trị xuất khẩu sang một trường lớn tăng trưởng dương khả quan như: Mỹ tăng 33%; EU tăng 6,1%; Hàn Quốc tăng 3,3%; Anh tăng 20,1% so với năm 2019.

Một số nhận định và dự báo: (1) Năm 2021 với những yếu tố tích cực từ thị trường cùng với những lợi thế mà Việt Nam sẽ có được thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTA), theo VASEP, dự báo xuất khẩu thủy sản sẽ đạt trên 9,4 tỷ USD, tăng 10% so với 2020. (2) Xuất khẩu tôm Việt Nam đang tiếp tục thuận lợi khi nhu cầu trên thế giới vẫn đang tăng lên trong khi nhiều nước sản xuất vẫn đang gặp khó khăn vì Covid-19. Theo các chuyên gia, giá tôm trên thị trường thế giới dự báo sẽ còn tăng trong nửa đầu năm 2021.

13

11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 1 năm 2021 đạt 1,25 tỷ USD, tăng 48,4% so với cùng kỳ năm 2020. Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc là ba thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong năm 2020, chiếm 78,1% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Năm 2020 giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng mạnh tại các thị trường: Hoa Kỳ (tăng 33,8%), Thái Lan (tăng 20,4%) và Canada (tăng 14,1%) so với năm 2019. Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giảm mạnh nhất là Anh (giảm 26,5%).

Giá trị nhập khẩu mặt hàng này tháng 1/2021 đạt 280 triệu USD, tăng 64,8% so với tháng 1/2020. Năm 2020, tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 2,56 tỷ USD, tăng 0,6% so với năm 2019, trong đó, 33,7% nhập khẩu từ Trung Quốc, 12,2% từ Hoa Kỳ và 5,1% từ Thái Lan. So với năm 2019, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam từ Trung Quốc tăng 31,1%, Thái Lan tăng 14,7%, trong khi nhập khẩu từ Hoa Kỳ lại giảm 8%.

Năm 2020 là một năm thành công đối với ngành gỗ Việt Nam. Mặc dù đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh, nhưng trị giá xuất khẩu đồ gỗ chỉ giảm trong tháng 4 và tháng 5/2020; bắt đầu từ tháng 6/2020, xuất khẩu gỗ liên tục tăng mạnh. Sức bật của ngành gỗ Việt Nam trong thời gian qua có sự đóng góp rất lớn từ sự thông thoáng của hệ thống pháp luật trong nước, cùng với các FTA đã có hiệu lực.

Thị trường đồ nội thất của thế giới rất lớn, với giá trị thương mại khoảng 450 tỷ USD/năm, trong đó nội thất bằng gỗ khoảng 150 tỷ USD/năm. Kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam mới chiếm khoảng 6% thị phần toàn cầu, nên dư địa xuất khẩu của ngành còn rất lớn. Năm 2021, ngành lâm sản đặt mục tiêu xuất khẩu 14,5 tỷ USD (tăng 12% so với năm 2020), trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ đạt 13 tỷ USD.

MỘT SỐ THAY ĐỔI QUY ĐỊNH CỦA THỊ TRƯỜNG

1. Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam thông báo về việc Hàn Quốc tiếp tục áp dụng phương thức kiểm tra chặt đối với sản phẩm dạng bột chứa thành phần trái nhàu từ Việt Nam nhập khẩu vào Hàn Quốc trong năm 2021; Cụ thể như sau:

- Sản phẩm dạng bột có thành phần trái nhàu từ 50% trở lên;
- Chỉ tiêu kiểm tra: Thôi nhiễm kim loại;
- Thời gian áp dụng: từ ngày 24/12/2020 đến ngày 23/12/2021.

- Yêu cầu kiểm tra: Hồ sơ khai báo nhập khẩu sản phẩm vào Hàn Quốc phải có phiếu kiểm nghiệm từ một trong các đơn vị kiểm nghiệm được chỉ định bởi Bộ An toàn thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (MFDS). Danh sách tham khảo tại: https://mfds.go.kr/eng/wpge/m_57/de0110401001.do

Chi tiết tham khảo tại: <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/quy-dinh-moi-ve-kiem-tra-an-toan-thuc-pham-doi-voi-san-pham-dang-bot-chua-thanh-phan-trai-nhau-nhap-khau-va-han-quoc-21530-22.html>

15

2. Một số biện pháp Trung Quốc áp dụng để kiểm soát và phòng dịch Covid-19 lây lan qua hàng hoá nhập khẩu mà doanh nghiệp cần lưu ý²:

- Các biện pháp kiểm tra bao gồm lấy mẫu hàng hóa nhập khẩu trong công-ten-nơ để tiến hành kiểm tra, xét nghiệm; tiến hành khử trùng công đoạn bốc dỡ hàng hóa trên công-ten-nơ nhập khẩu; thực hiện phun khử trùng phòng dịch đối với công-ten-nơ rộng trong lúc lau dọn, bốc xếp hàng hóa. Công tác kiểm tra, khử trùng phòng dịch đối với xe chở công-ten-nơ cũng như bao bì hàng hóa trên xe cũng được thực hiện tương tự quy trình nêu trên.

- Các biện pháp trên không áp dụng đối với các loại hàng hóa là chất nguy hiểm, lương thực, thức ăn chăn nuôi, phụ gia thức ăn chăn nuôi và các loại hàng hóa không có bao bì hoặc có bao bì nhưng dễ bị thuốc khử trùng thẩm thấu gây ô nhiễm. Việc kiểm tra, khử trùng phòng dịch đối với công-ten-nơ hàng hóa đông lạnh vẫn thực hiện bình thường theo các quy định trước đó của cơ quan Hải quan Trung Quốc.

Chính quyền Quảng Tây, Trung Quốc (địa phương có biên giới với 04 tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang) cũng đã đưa ra một số yêu cầu tăng cường quản lý hoạt động nhập khẩu thực phẩm đông lạnh. Cụ thể như sau:

- Mặt hàng thực phẩm đông lạnh nhập khẩu nếu không có đầy đủ 04 loại giấy tờ sau sẽ không được phép tiêu thụ trên thị trường, cụ thể gồm: (i) chứng nhận kiểm nghiệm, kiểm dịch hàng hóa nhập khẩu; (ii) chứng nhận khử trùng; (iii) chứng nhận

² <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/trung-quoc-ap-dung-cac-bien-phap-kiem-soat-phong-chong-dich-covid-19-lay-lan-qua-hang-hoa-nhap-khau-21521-22.html>

thông tin truy xuất nguồn gốc hợp pháp; (iv) chứng nhận xét nghiệm axit nucleic âm tính với Covid-19.

- Các sản phẩm thực phẩm đông lạnh nhập khẩu vào Quảng Tây qua các cửa khẩu, cảng biển khi bảo quản, tiêu thụ và gia công trên địa bàn phải được nhập kho giám sát tập trung của địa phương, thực hiện nghiêm túc lấy mẫu axit nucleic, khử trùng toàn bộ bề mặt hàng hóa, quản lý truy xuất nguồn gốc hàng hóa. Các sản phẩm đã thực hiện công tác trên tại tỉnh, thành phố khác của Trung Quốc vẫn phải nhập kho để đối chiếu, sau đó có thể tiêu thụ hoặc gia công.

3. Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp có cái nhìn tổng thể về quy trình cấp và sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ tại Việt Nam và EU, Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU kiêm nhiệm Luxembourg đã xuất bản tài liệu có tên “Thủ tục C/O theo EVFTA”.

Chi tiết xem tại đây: <https://vn-eu-tradehub.com/2021/02/01/thu-tuc-c-o-trong-evfta/>

4. Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển giới thiệu các tài liệu sau:

- “Quy định thị trường cơ bản của các nước Bắc Âu” (Chi tiết như sau: Giới thiệu tóm tắt sách: <https://vietnordic.com/wp-content/uploads/2020/12/Handbook-Quy-dinh-TT-Bac-Au-final.pdf> ; Toàn bộ nội dung sách: <https://vietnordic.com/wp-content/uploads/books/northern-europe/northern-europe.html>).

- “Những điều cần biết về thị trường Iceland” (Chi tiết tại đây: <https://vietnordic.com/wp-content/uploads/books/Iceland/Iceland.html>) .

5. Nhằm hướng dẫn thực thi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 07/2021/TT-BTC ngày 25/1/2021 Quy định thời điểm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu. Toàn văn Thông tư [tại đây](#).